

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/DS-ST

Ngày: 30/10/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà La Thị Hồng Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hươn.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 576/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1959 .

Địa chỉ: Số nhà 16, tổ 7, ấp L, xã P, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà **Trương Thị Thu D**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số nhà 3, tổ 2, ấp 6, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Ông C có mặt, bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Bà Trương Thị Thu D là bạn của em gái ông, bà D có vay tiền của ông 02 lần, cụ thể như sau :

Lần thứ nhất, vào ngày 14/4/2015 bà D cùng con trai đến nhà ông hỏi vay của ông số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, thời hạn vay là

01 năm. Bà D có trả lãi cho ông được 02 lần, mỗi lần là 150.000 đồng, tổng cộng là 300.000 đồng.

Lần thứ hai, vào ngày 25/4/2015 bà D tiếp tục đến mượn ông thêm 3.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 05%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, nhưng bà D không có trả lãi cho ông được lần nào.

Tổng cộng hai lần vay là 8.000.000 đồng tiền nợ gốc, nhưng đến hạn trả nợ thì bà D không trả tiền nên đến ngày 04/12/2017 ông có nộp đơn khởi kiện bà Trương Thị Thu D ra Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Tại Tòa án bà D đồng ý trả cho ông 8.000.000 đồng tiền nợ gốc và 3.000.000 đồng tiền nợ lãi, tổng cộng là 11.000.000 đồng. Bà D năn nỉ ông rút đơn khởi kiện nên ông đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2018/QĐST-DS ngày 02/01/2018. Cùng ngày 02/01/2018 bà D đã ký tên vào giấy xác nhận nợ, cam kết là bắt đầu từ ngày 02/3/2018, mỗi tháng bà D trả cho ông 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 11.000.000 đồng. Nhưng từ khi ông rút đơn khởi kiện đến nay bà D không có trả cho ông bất kỳ khoản tiền nào nữa. Ông đã nhiều lần tìm gặp yêu cầu bà D trả nợ nhưng bà D hẹn nhiều lần và cố tình lẩn tránh ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Thu D trả cho ông 11.000.000 đồng tiền nợ, ông không yêu cầu tính lãi. Ông xác định số tiền ông cho bà D vay là tiền của cá nhân ông chứ không phải tiền của cơ quan tổ chức nào khác. Ông chỉ yêu cầu một mình cá nhân bà D trả nợ cho ông, ông không yêu cầu gì đối với chồng và con bà D.

* Bị đơn bà Trương Thị Thu D vắng mặt nên không có lời khai.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện ngày 13/3/2018, Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông C, Quyết định đình chỉ số 01/2018/QĐST-DS ngày 02/01/2018, Bản tự khai của ông C ngày 18/4/2018, Giấy xác nhận nợ ngày 02/01/2018, Biên bản xác minh tại UBND xã T ngày 17/8/2018, Biên bản ghi nhận sự việc không lấy lời khai bà D được ngày 13/7/2018, Biên bản xác minh tại Công an xã T ngày 06/6/2018, Biên bản ghi nhận sự việc ngày 04/9/2018, Biên bản hòa giải tại UBND xã T ngày 22/11/2017, Biên bản lấy lời khai của bà D ngày 27/12/2017, Giấy cam kết ngày 26/11/2016, Bản tự khai của ông C ngày 20/12/2017, Đơn khởi kiện của ông C ngày 01/12/2017, Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà D và các chứng cứ khác đã được đánh dấu bút lục trong hồ sơ.

Các tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất: Bị đơn bà Trương Thị Thu D không có mặt, không có lời khai nên không thương lượng thỏa thuận được.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Trương Thị Thu D phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 11.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn bà Trương Thị Thu D nhưng bà D vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung:

Ông Cao khởi kiện yêu cầu bà D thanh toán số tiền 11.000.000 đồng theo nội dung giấy xác nhận nợ ngày 02/01/2018. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2017 lập tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, bà D thừa nhận có vay của ông C 02 lần tiền vào ngày 14/4/2015 và 25/4/2015, tính đến ngày 27/12/2017 bà còn nợ ông C 8.000.000 đồng tiền nợ gốc, bà đồng ý trả cho ông C 8.000.000 đồng tiền nợ gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 11.000.000 đồng. Như vậy có đủ căn cứ để xác định việc cho vay tiền giữa ông C với bà D là có thật và hiện bà D còn nợ ông C số tiền 11.000.000 đồng.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C buộc bà D phải thanh toán cho ông C số tiền 11.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu 550.000 đồng.

Hoàn trả cho ông C tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 002059 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Trương Thị Thu D.

Buộc bà Trương Thị Thu D phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn C số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Thu D phải chịu 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai số 002059 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trương Thị Thu D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (4).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Thị Hồng Gấm